

Bản án số: 66/2024/DS-ST

Ngày 12-7-2024

V/v Tranh chấp nợ hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI, TỈNH BẠC LIÊU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ca Kiều Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Nhạn

2. Bà Cao Thị Mỹ Phượng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phùng Thị Loan – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Ông Châu Hoa Đăng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 115/2024/TLST- DS ngày 09 tháng 4 năm 2024 về việc “*Tranh chấp nợ hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 66/2024/QĐ-ST ngày 21/6/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phan Thị L**, sinh năm 1977

Ông **Lê Văn N**, sinh năm 1975

Người đại diện theo uỷ quyền của ông **Lê Văn N**: Bà **Phan Thị L**, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu

Bị đơn: Ông **Trần Út L1**, sinh năm 1967

Bà **Lê Thị N1**, sinh năm 1963

Cùng địa chỉ: Khóm A, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

(Bà **L** có mặt, bà **N1** và ông **L1** vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/3/2024, lời khai trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn ông **Lê Văn N** và bà **Phan Thị L** thống nhất trình bày: Ngày 04/3/2019 âm lịch vợ chồng ông **Lê Văn N** và bà **Phan Thị L** có tham gia 02 chung hụi do vợ chồng ông **Trần Út L1** và bà **Lê Thị N1** làm chủ hụi, hụi trị giá 5.000.000 đồng, có 14 chung, ông **N** và bà **L** đóng hụi đầy đủ, ông bà là người hốt hụi cuối cùng. Đến tháng

3/2023 âm lịch mãn 01 chung hụi vợ chồng bà N1 phải trả tiền hụi cho vợ chồng bà L là 60.000.000 đồng (trừ tiền đầu thảo 2.500.000 đồng) vợ chồng bà N1 phải trả vợ chồng bà L số tiền 57.500.000 đồng, nhưng bà N1 chỉ đưa bà L số tiền 15.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền hụi 42.500.000 đồng. Đến tháng 07/2023 âm lịch mãn 01 chung hụi vợ chồng bà N1 phải chung 60.000.000 đồng (trừ tiền đầu thảo 2.500.000 đồng) vợ chồng bà N1 phải trả tiền hụi cho vợ chồng bà L 57.500.000 đồng, nhưng bà N1 chỉ đưa bà L số tiền 15.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền hụi 42.500.000 đồng. Tổng công số tiền hụi vợ chồng bà N1 còn nợ vợ chồng bà L là 85.000.000 đồng. Sự việc vợ chồng bà N1 không trả tiền nợ hụi cho vợ chồng bà L có yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết, tại buổi hòa giải ở địa phương bà N1 có thừa nhận còn nợ vợ chồng bà L số tiền hụi 85.000.000 đồng. Nay vợ chồng ông N và bà L yêu cầu vợ chồng ông L1 và bà N1 phải trả số tiền nợ hụi 85.000.000 đồng, ông bà không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của toà án như Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn ông Trần Út L1 và bà Lê Thị N1, nhưng ông L1 và bà N1 đều vắng tại các buổi làm việc mà không rõ lý do. Do đó, Toà án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn ông L1 và bà N1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử đã xác định đúng quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp nợ hụi”. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ hụi là 85.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án. Đối với án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ yêu cầu của đương sự tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ đơn khởi kiện ngày 20/3/2024 của nguyên đơn có căn cứ xác định đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp nợ hụi” và bị đơn Trần Út L1, bà Lê Thị N1 cư trú tại: Khóm A, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định pháp luật. Bị đơn

chưa chấp hành đúng quy định pháp luật. Ông **Trần Út L1**, bà **Lê Thị N1** đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn ông **Lê Văn N** và bà **Phan Thị L** yêu cầu vợ chồng ông **L1** và bà **N1** trả số tiền nợ hui 85.000.000 đồng, ông bà không yêu cầu tính lãi. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông **Trần Út L1** và bà **Lê Thị N1** không đến toà án làm việc, không cung cấp lời khai, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, tại Biên bản làm việc ngày 24/4/2024, ông **Lý Công L2** – Trưởng **BND K, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu** xác nhận là người chủ trì phiên hoà giải tranh chấp nợ hui giữa ông **N**, bà **L** và ông **L1**, bà **N1** vào ngày 09/3/2024, tại buổi hoà giải bà **N1** thừa nhận còn nợ vợ chồng ông **N**, bà **L** số tiền hui 85.000.000 đồng, nhưng các bên không thống nhất về thời hạn thanh toán nên dẫn đến tranh chấp tại Toà án. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, Biên bản hoà giải ngày 09/3/2024 và Biên bản làm việc ngày 24/4/2024 có cơ sở xác định việc giao dịch hui giữa ông **N**, bà **L** và ông **L1**, bà **N1** là có xảy ra trên thực tế và bà **N1** thừa nhận bà **N1** thừa nhận còn nợ ông **N** và bà **L** số tiền hui 85.000.000 đồng, đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặc dù, chỉ có bà **N1** thừa nhận còn nợ ông **N** và bà **L** số tiền hui 85.000.000 đồng, nhưng ông **L1** và bà **N1** là vợ chồng và cùng làm chủ hui nên ông bà cùng có trách nhiệm thanh toán nợ hui. Do đó, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **N** và bà **L**, buộc ông **L1** và bà **N1** có trách nhiệm thanh toán cho ông **N** và bà **L** số tiền nợ hui 85.000.000 đồng. Ông **N** và bà **L** không yêu cầu tính lãi nên không đặt ra xem xét.

[4] Xét ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai về việc giải quyết vụ án là phù hợp, có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bị đơn ông **Trần Út L1** và bà **Lê Thị N1** có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ hui 85.000.000 đồng nên phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 4.250.000 đồng. Ông **N** và bà **L** không phải chịu án phí, ông bà đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.450.000 đồng theo biên lai thu số 0008651 ngày 09/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai nay được hoàn lại toàn bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 178; Điều 227 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Áp dụng khoản 7 Điều 4; khoản 2 Điều 10; Điều 16 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hui, họ, biếu, phường;
- Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N và bà Phan Thị L đối với ông Trần Út L1 và bà Lê Thị N1 về việc tranh chấp nợ hụi.

Buộc ông Trần Út L1 và bà Lê Thị N1 có nghĩa vụ trả cho bà ông Lê Văn N và bà Phan Thị L số tiền nợ hụi là 85.000.000 (tám mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên đây, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc Trần Út L1 và bà Lê Thị N1 phải nộp 4.250.000 (bốn triệu hai trăm năm chục nghìn) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

- Nơi nhận:

- + TAND tỉnh Bạc Liêu;
- + VKSND Tx. Giá Rai;
- + Chi cục THADS TX. Giá Rai;
- + Các đương sự;
- + Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ca Kiều Nguyệt